

Bản án số: 127/2018/HS-PT
Ngày: 13-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Mỹ Hương;
Ông Trần Văn Luông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Cơ – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 149/2018/TLPT-HS ngày 15 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo Lê Văn K do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 226/2018/HS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Họ và tên bị cáo có kháng cáo: **Lê Văn K**, sinh năm 1976 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Số 1062/21/10 Đ, tổ 8, khu 2, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nơi cư trú cũ: Số 73/33, tổ 16, khu 3, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương); nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê K1, sinh năm 1927 và bà Mai Thị A, sinh năm 1937; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Bị hại: Ông Nguyễn Ngụy A1 (đã chết).

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:

+ Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1961; nơi cư trú: Số 35/1 đường T, tổ 04, khu 2, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (vợ bị hại), có mặt.

+ Ông Nguyễn Nhật K2, sinh năm 1992; nơi cư trú: Số 35/1 đường T, tổ 04, khu 2, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (con ruột bị hại), có đơn xin vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Quỳnh N, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số 35/1 đường T, tổ 04, khu 2, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (con ruột bị hại), có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn K có Giấy phép lái xe ô tô hạng B2, số 740093001264 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/3/2014, có giá trị sử dụng đến ngày 07/3/2024. K là tài xế lái xe taxi của Công ty Cổ phần A do bà Đặng Thị Lan P, sinh năm 1969; địa chỉ: Số 163 đường P, phường P, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh làm Tổng giám đốc, đồng thời là người đại diện theo pháp luật của công ty.

Khoảng 04 giờ 00 phút, ngày 10/02/2016, Lê Văn K điều khiển xe ô tô, biển số 51F – 195.31 lưu thông từ ngã ba P, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương đến phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương để rửa xe và giao ca.

K cho xe lưu thông trên đường T, với tốc độ trung bình khoảng 45 km/h (hướng đường 30/4 về hướng Quốc lộ 13). Thời tiết lúc này trời tối, có đèn đường chiếu sáng, phương tiện xe lưu thông trên đường vắng.

K quan sát ở phần đường bên trái nhìn thấy có một xe ô tô tải đang lưu thông theo hướng ngược chiều với hướng xe K lưu thông và có một người chạy bộ tập thể dục phía trước. Lúc này, K khom người và dùng tay để lấy vật cứng trong chiếc giày bên chân trái thì xe ô tô tải cũng vừa chạy đến ngang vị trí với xe ô tô của K. K thấy phía trước cách khoảng 9 mét có ông Nguyễn Nguy A1 (bị hại) đang chạy bộ ngang qua đường từ lề trái sang lề phải (theo hướng xe ô tô của K lưu thông). K xử lý bằng cách đánh tay lái sang phải để tránh nhưng không kịp, để phía trước xe ô tô do K điều khiển đụng vào chân phải và hông bên phải của ông Nguyễn Nguy A1 làm ông Nguyễn Nguy A1 bị văng ra và nằm trên vỉa hè, còn xe ô tô do K điều khiển tiếp tục lao lên vỉa hè, đụng tiếp vào thùng rác và trụ cờ nhà dân trên vỉa hè mới dừng lại, ông Nguyễn Nguy A1 chết tại hiện trường.

Theo Biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông ngày 10/02/2016 của Công an thành phố T thể hiện: Việc khám nghiệm hiện trường được tiến hành trong điều kiện trời sáng. Hiện trường được lực lượng công an và dân phòng phường P, thành phố T giữ nguyên vẹn. Vụ tai nạn xảy ra tại đoạn đường T, mặt đường được trải nhựa bê tông bằng phẳng, có chiều rộng là 9 mét. Mặt đường được chia thành hai phần đường xe lưu thông bởi vạch sơn dọc đơn đứt quãng. Đường T có hệ thống đèn chiếu sáng, hành lang đường bộ rộng 2,2 mét.

Hiện trường được đo vẽ vào mép lề phải đường T, theo hướng xe đi từ đường 30/4 hướng về Quốc lộ 13 và lấy trụ điện số 42 làm mốc.

Xe ô tô, biển số 51F1 – 195. 31: Dừng, đầu xe hướng về Quốc lộ 13, phía sau xe hướng về đường 30/4. Trục bánh trước bên phải xe ô tô cách mép lề phải là

0,4 mét và cách trụ điện số 42 là 3 mét. Trụ bánh sau bên phải xe ô tô cách mép lề phải 0,5 mét;

Hiện trường có 01 (một) vết chà trên vỉa hè, vết chà màu xanh, vết chà dài 1,7 mét. Đầu vết chà cách mép lề phải là 0,3 mét, cuối vết chà cách mép lề phải là 0,5 mét và cách trụ bánh sau bên phải xe ô tô biển số 51F – 195. 31 là 26,7 mét;

Nạn nhân chết tại hiện trường với tư thế nằm ngửa, đầu chảy nhiều máu. Đầu nạn nhân cách mép lề phải là 0,7 mét, chân trái nạn nhân cách mép lề phải là 1,4 mét và cách đầu vết chà là 3,5 mét;

(3) Chiếc giày phải cách mép lề phải là 0,4 mét và cách đầu nạn nhân là 6,8 mét;

(2) Chiếc giày trái cách mép lề phải là 2 mét và cách chiếc giày phải là 3,3 mét;

(4) Trụ cờ gãy cách mép lề phải là 0,7 mét và cách chiếc giày phải là 1,2 mét;

(1) Nón của nạn nhân rơi tại hiện trường, cách mép lề phải là 1,3 mét và cách chiếc giày trái là 6,3 mét.

Theo Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông ngày 10/02/2016 của Công an thành phố T thể hiện:

Xe ô tô, biển số 51F1 – 195. 31:

- Đầu cản trước bên phải bị va chạm móp cao su và trầy xước sơn, kích thước (80 x 8) cm, đầu dẫu cách mặt đất là 0,3 mét;
- Mặt nạ trước bên phải bị móp cao su, kích thước (55 x 20) cm;
- Nắp ca bô bên phải bị va chạm thủng móp kim loại, kích thước (78 x 85) cm;
- Nắp ca bô + kính chắn gió bên phải có dấu máu phun, kích thước (70 x 25) cm, vị trí này cách mặt đất là 1,1 mét.

Theo Bản Kết luận giám định pháp y tử thi số 596/GDPY, ngày 17/02/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương kết luận:

1. Các kết quả chính:

- U, tụ máu chằm đỉnh phải, tâm rách da nhăm nhở.
- Bầm tụ máu dưới da và cơ vùng chằm, đỉnh phải.
- Vỡ xương hộp sọ vùng đỉnh chằm phải.
- Máu và dịch não tủy chảy ra ngoài theo đường vỡ.

2. Kết luận: Nguyên nhân chết của tử thi: Nguyễn Nguy A1, sinh năm 1957 là do chấn thương sọ não, dập não.

Quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị V (vợ của bị hại) yêu cầu Lê Văn K và Công ty Cổ phần A bồi thường chi phí mai táng với số tiền 160.000.000 đồng.

Ngày 11/02/2016, Công ty Cổ phần A đã bồi thường cho bà V 20.000.000 đồng. Đối với số tiền bồi thường còn lại theo yêu cầu của bà V là 140.000.000 đồng. Công ty Cổ phần A sẽ căn cứ vào quyết định của Tòa án để bồi thường cho bà V.

Đối với xe ô tô, biển số 51F – 195.31. Quá trình điều tra, xác định: Đây là xe của Công ty Cổ phần A. Ngày 15/02/2016, bà P ủy quyền cho ông Hồ Duy T thay mặt cho Công ty Cổ phần A liên hệ với các cơ quan tiến hành tố tụng thành phố T giải quyết vụ tai nạn giao thông xảy ra ngày 10/02/2016. Ngày 04/3/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố T đã giao trả xe ô tô, biển số 51F – 195.31 và Giấy chứng nhận kiểm định cho ông Hồ Duy T.

Đối với thiệt hại của xe ô tô, biển số 51F – 195.31, Công ty Cổ phần A không yêu cầu Lê Văn K bồi thường.

Đối với 01 (một) Giấy phép lái xe ô tô hạng B2, số 740093001264 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/3/2014 (có giá trị sử dụng đến ngày 07/3/2024) mang tên Lê Văn K. Ngày 12 tháng 4 năm 2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố T đã giao trả cho Lê Văn K.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 226/2018/HS-ST ngày 05/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn K phạm tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ".

Căn cứ khoản 1 Điều 202; các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo Lê Văn K 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị đơn dân sự Công ty Cổ phần A bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, trách nhiệm chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/9/2018, bị cáo Lê Văn K kháng cáo **xin hưởng án treo (đơn kháng cáo trong hạn luật định)**.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm giải quyết đối với vụ án: Bị cáo kháng cáo trong thời hạn luật định. Việc xác định tội danh, điều luật Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với bị cáo Lê Văn K là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Bị cáo K kháng cáo xin hưởng án treo, đồng thời cung cấp chứng cứ mới là bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 40.000.000 đồng, người bị hại có một phần lỗi. Xét thấy, bị cáo K có các tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự; bị cáo có nhân thân tốt; có nơi cư trú rõ ràng và đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo K.

Bà Nguyễn Thị V (người đại diện hợp pháp của bị hại) trình bày bà V đã nhận của bị cáo K số tiền 40.000.000 đồng; tại phiên tòa, bà V yêu cầu Công ty Cổ phần A bồi thường thiệt hại số tiền còn lại là 100.000.000 đồng. Bà V đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo K.

Bị cáo Lê Văn K trình bày: Gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo; bị cáo là lao động chính trong gia đình và đang phải nuôi cha mẹ già; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 40.000.000 đồng và gia đình bị hại tiếp tục có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai phạm, trở thành công dân tốt cho xã hội và có điều kiện chăm sóc cha mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 04 giờ 00 phút ngày 10/02/2016, bị cáo Lê Văn K có hành vi điều khiển xe ô tô biển số 51F – 195.31 lưu thông trên đường T (hướng đường 30/4 về hướng Đ) với tốc độ 45 km/h; do không chú ý quan sát nên đã gây ra va chạm với ông Nguyễn Nguy A1 đang chạy bộ qua đường từ lề trái sang lề phải (theo hướng xe ô tô của bị cáo K lưu thông). Hậu quả làm ông A1 chết tại hiện trường do chấn thương sọ não, dập não (theo Kết luận giám định pháp y tử thi số 596/GDPY ngày 17/02/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương).

[2] Hành vi của bị cáo K điều khiển xe mà không tập trung quan sát, không tuân thủ quy định về tốc độ xe chạy trên đường nên đã gây tai nạn cho người đi bộ qua đường, hậu quả làm cho bị hại A1 tử vong là nguy hiểm, xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, xâm phạm đến quyền được pháp luật bảo vệ về tính mạng của bị hại.

[3] Theo quy định tại khoản 1 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 thì: *“Người nào điều khiển phương tiện giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe, tài sản của người khác, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.”*

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo K phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo K, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo K có lỗi khi tham gia giao thông không quan sát dẫn đến gây tai nạn, hậu quả làm cho ông A1 tử vong; tuy nhiên ông A1 cũng có lỗi một phần vì đã vi phạm khoản 2 Điều 32 Luật Giao thông đường bộ khi qua đường ở nơi không có đèn tín hiệu, không có vạch kẻ đường.

Bị cáo K có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động Công ty Cổ phần A bồi thường cho gia đình bị hại 20.000.000 đồng; gia đình bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Ngoài ra, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã chủ động bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 40.000.000 đồng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại **điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46** Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Về nhân thân: Bị cáo K có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình và đang nuôi cha mẹ già; ngoài lần phạm tội này thì bị cáo K luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Do đó, không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cần tạo điều kiện cho bị cáo được làm việc, chăm lo cuộc sống gia đình và để thực hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người nhất thời phạm tội, sửa chữa sai phạm trở thành công dân tốt. Bị cáo K có nơi cư trú rõ ràng và có đủ điều kiện áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 226/2018/HS-ST ngày 05/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T; cho bị cáo K hưởng án treo.

Tòa án cấp sơ thẩm không xác định lỗi của bị hại khi quyết định hình phạt đối với bị cáo là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố T tuyên Công ty Cổ phần A phải bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 140.000.000 đồng; mặc dù phần quyết định này của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nhưng sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 40.000.000 đồng nên cần khấu trừ số tiền này vào số tiền Công ty Cổ phần A phải bồi thường cho gia đình bị hại. Cụ thể, Công ty Cổ phần A còn phải bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 100.000.000 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty Cổ phần A phải chịu án phí không có giá ngạch đối với số tiền phải bồi thường cho gia đình bị hại. Do Hội đồng xét xử khấu trừ số tiền bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại vào số tiền Công ty Cổ phần A phải bồi thường cho gia đình bị hại nên cần sửa bản án sơ thẩm về án phí dân sự.

[7] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Án phí hình sự phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo K nên bị cáo không phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn K; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 226/2018/HS-ST ngày 05/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo Lê Văn K, về trách nhiệm dân sự và về án phí dân sự sơ thẩm.

1.1. Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 202; các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Lê Văn K 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 13/11/2018).

Giao bị cáo Lê Văn K cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Lê Văn K thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Lê Văn K cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Lê Văn K phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc Công ty Cổ phần A có trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Nhật K2, bà Nguyễn Quỳnh N (là người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Nguy A1) số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả thêm lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

1.3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Áp dụng khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Công ty Cổ phần A phải nộp số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

2. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Áp dụng khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Lê Văn K không phải nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Bình Dương;
- TAND thành phố T;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Công an thành phố T;
- UBND phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo;
- Tổ HCTP;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Huỳnh Đức